TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2022.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Truyền;

2. Bà Nguyễn Thị Ninh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1992; địa chỉ: số nhà 508, đường T, Tổ 25, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Lê Trần Sơn L, sinh năm 1992; địa chỉ: số nhà 508, đường T, Tổ 25, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc Y trình bày:

Chị và Lê Trần Sơn L chung sống với nhau từ năm 2017, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh T. Vợ chồng chị chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, nên cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không

còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên nay chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung cháu tên Lê Võ Ngọc L, sinh năm 2017, từ ngày ly thân cháu L sống chung với chị, nay ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến và yêu cầu của bị đơn anh Lê Trần Sơn L:**

Anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc Y, chị Y được ly hôn với anh L. Về con chung giao cháu tên Lê Võ Ngọc L, sinh năm 2017 cho chị Y nuôi dưỡng, ghi nhận chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị Y không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Võ Thị Ngọc Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Trần Sơn L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về hôn nhân: chị Võ Thị Ngọc Y và anh Lê Trần Sơn L chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp huyện Tân Châu, tỉnh T. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo chị Y thì cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gỗ, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh

L đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị Y không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu ly hôn. Anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt thể hiện không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Y, anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh L.

[3] Về con chung: chị Y, anh L có một con chung tên Lê Võ Ngọc L, sinh năm 2017. Từ khi anh chị ly thân cháu L sống chung với chị Y, xét thấy chị Y có thu nhập ổn định, đảm bảo được cho cuộc sống do đó cần giao con chung là cháu L cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Y, anh L không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Ngọc Y đối với anh Lê Trần Sơn L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Võ Ngọc L, sinh năm 2017 cho chị Võ Thị Ngọc Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Võ Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0020364 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T, chị Y đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly